

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân - gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiên Sang.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX - ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Hùng T, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị M có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Hùng T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/01/2005. Quá trình chung sống,

vợ chồng hòa thuận đến tháng 6/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Ngoài ra, anh T còn chửi mắng, xúc phạm chị và gia đình chị. Có lần, anh T còn đe dọa sẽ giết chị. Nhiều lần chị đã cho anh T cơ hội để sửa chữa, thay đổi bản thân. Gia đình hai bên đã can thiệp, động viên nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy không sửa chữa. Không thể chịu đựng được nên chị đã xin phép bố mẹ chồng đưa con về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn ở từ tháng 6/2011 đến nay. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ, anh T cũng không một lần tìm gọi chị quay về. Chị và anh T sống ly thân nhau đã gần 08 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm gì nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Hùng T có 01 con chung là Trần Hùng A, sinh ngày 19/9/2005. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện nay, cháu Hùng A đang ở với chị tại gia đình bố mẹ đẻ chị. Chị làm nghề may, thu nhập một tháng 6.000.000 đồng. Chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Bố mẹ chị hiện đều còn khỏe mạnh và cũng phụ giúp chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hùng A.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh T không có tài sản gì chung; không vay nợ chung và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Hùng T nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị M. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh T cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị V, sinh năm 1957. Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (*là mẹ đẻ chị M*) thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đúng như chị M trình bày. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M vì anh chị cũng không có khả năng đoàn tụ. Về quan hệ con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hùng A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại cháu đang ở với chị M và gia đình bà, chị M chăm sóc rất tốt cho cháu Hùng A. Về quan hệ tài sản: Bà V cũng trình bày như lời trình bày của chị M.

- Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Trần Hùng L, sinh năm 1939. Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (*bố đẻ của anh Trần Hùng T*) thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị M và anh T đúng như chị M đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình ông, được một thời gian thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T chưa tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình. Chị M đã đưa con về nhà bố mẹ để ở từ giữa năm 2011 đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh T, bản thân ông không mong muốn điều này xảy ra nhưng vì chị M đã kiên quyết xin ly hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Ông đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị M nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản: Ông L cũng trình bày như lời trình bày của chị M.

Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, ông L trình bày: Anh T hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh T, ông đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh T sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh T cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị M nhưng vì công việc bận mãi, anh T không về giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, đại diện UBND xã V cung cấp như sau: Quá trình chung sống, vợ chồng chị M, anh T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chưa tu chí làm ăn. Anh chị sống ly thân đã khá lâu. Nay chị M xin ly hôn anh T, địa phương cũng xét thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị M nuôi dưỡng vì anh T hiện đi làm ăn xa nhà. Về tài sản: Địa phương cũng cung cấp như lời trình bày của chị Mừng.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị :

+ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Trần Hùng T.

+ Quan hệ con chung: Xử giao con Trần Hùng A, sinh ngày 19/9/2005 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

+ Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] **Quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị M và anh Trần Hùng T kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 21/01/2005 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống do anh T còn mãi chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị không thông cảm, bỏ qua được cho nhau và cũng không có biện pháp phù hợp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2011 đến nay và anh chị sống ly thân từ thời điểm đó.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh T đối với yêu cầu của chị M. Điều này chứng tỏ anh T không thực sự mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã V và lấy lời khai của đại diện gia đình chị M, anh T cũng thể hiện: Giữa chị M và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh chị sống ly thân nhau khá lâu.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Trần Hùng T.

[2]**Quan hệ con chung:** Chị Trần Thị M và anh Trần Hùng T có 01 con chung. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi con và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến tòa án nên không thể hiện quan điểm về vấn đề con chung.

Xét điều kiện hiện tại của chị M thì thấy: Chị M có công việc và có thu nhập. Công việc của chị lại làm gần nhà, cháu Hùng A cũng học tập tại trường học ở gần nên chị có điều kiện chăm lo cho con hơn. Anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để chăm cho con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung, cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp và chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[3]Quan hệ tài sản: Do không có lời trình bày của anh T nên cần tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho Trần Thị M được ly hôn anh Trần Hùng T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao con Trần Hùng A, sinh ngày 19/9/2005 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị M đã nộp tại biên lai số 0003314 ngày 02/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt chị M. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án 04/6/2019.

Vắng mặt anh Trần Hùng T báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D huyện V;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V; huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)